TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 268/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05/8/2020.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Linh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Quốc Xuân;
2. Bà Trần Thị Bích Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Dương Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 531/2019/TLST-HNGĐ ngày 02/12/2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 363/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng C, sinh năm 1969 (có mặt).
Địa chỉ: A ấp B, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.
Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1972 (có mặt).
Địa chỉ: A ấp B, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/11/2019, bản tự khai ngày 28/2/2020, lời trình bày tại các biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng C trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31 quyển số 01 ngày 20/03/1999 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được 27 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bà T cờ bạc gây nợ nần, làm cho kinh tế kinh tế khó khăn, không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên cãi nhau, không có cuộc sống hòa hợp giữa vợ chồng làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng trầm trọng. Ông và bà T đã cố gắng hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Cũng từ năm 2017 đến nay ông và bà T không còn chung sống với nhau. Ông C xác định cuộc sống hôn nhân không hạnh

phúc, tình cảm vợ chồng không còn. Nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 04 con chung tên Nguyễn Hoàng C - sinh ngày 24/11/1992; Nguyễn Hoàng C - sinh ngày 08/06/1996; Nguyễn Hoàng K - sinh ngày 26/01/2001 và Nguyễn Thị Thanh N - sinh ngày 12/07/2010. Các cháu C, C, K đã thành niên.

Riêng cháu Nguyễn Thị Thanh N - sinh ngày 12/07/2010 chưa thành niên nên ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu bà T cấp dưỡng, nuôi con.

Về tài sản chung: Ông C xác định không có.

Về nợ chung: Ông C xác định không có.

Ông tự nguyện nộp toàn bộ án phí sơ thẩm. Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 28/2/2020, lời trình bày tại các biên bản hòa giải, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà thống nhất như lời trình bày của ông C và không có ý kiến gì khác.

Vợ chồng bà sống chung với nhau hạnh phúc nhưng từ khi ông C có mối quan hệ với người phụ nữ khác, ra ngoài sống mấy năm nay không quan tâm tới gia đình, con cái và làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn.

Quan điểm của bà là không đồng ý ly hôn: Hiện nay bà vẫn còn yêu chồng và muốn hàn gắn tình cảm để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy các con chung.

Bà không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa:

+ Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như phần trình bày tại đơn khởi kiện và bản tự khai.

+ Bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng C, bị đơn thừa nhận vợ chồng đã không còn hạnh phúc 03 năm nay, 03 năm nay ông C đã chung sống với người phụ nữ khác, do đau buồn vì chồng đã có người khác nên bà có bài bạc, nợ nần. Nay bà đồng ý ly hôn và yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung chưa trưởng thành là trẻ Nguyễn Thị Thanh N - sinh ngày 12/07/2010, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con một lần là 100.000.000 đồng từ đây cho đến khi trẻ N thành niên. Ngoài ra, không cung cấp cho Tòa án chứng cứ tài liệu nào khác.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên toà:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C đối với bà T.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 12/07/2010

cho ông C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận ông C không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận ông C, bà T xác định không có.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 31 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/03/1999 thì ông Nguyễn Hoàng C và bà Nguyễn Thị Ngọc T có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay ông C có yêu cầu ly hôn là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Nguyễn Hoàng C yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc T. Do bà T đang cư trú tại địa chỉ số A ấp B, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông C với lý do mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2017 đến nay mà không cải thiện được, nguyên nhân là do bà T thường xuyên cờ bạc, gây ra nợ nần làm cho kinh tế kinh tế gia đình ngày càng khó khăn, bà T lại không có trách nhiệm với gia đình, dẫn đến vợ chồng không có cuộc sống hòa hợp, thường xuyên cãi nhau làm cho đời sống vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng cố gắng hòa giải nhưng không có kết quả. Từ năm 2017 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng đã không còn nên xin ly hôn với bà T để ổn định cuộc sống.

Tại Tòa hôm nay, bà T cũng đồng ý ly hôn bởi ba năm qua vợ chồng không còn chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được.

Theo kết quả xác minh của Hội liên hiệp phụ nữ xã Phú Xuân cho thấy giữa ông C và bà T có xảy ra cãi vã nhưng không đưa ra giải quyết tại địa phương và đã sống ly thân 02 năm nay mà vẫn không hàn gắn lại được.

Do đó Hội đồng xét xử xét thấy, giữa ông C và bà T phát sinh mối quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, tuy nhiên giữa vợ chồng có mâu thuẫn với nhau trong cách cư xử, thiếu sự quan tâm, tin tưởng nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, đã lâm vào tình trạng trầm trọng dẫn đến vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên ông C yêu cầu ly hôn với bà T và bà T đồng ý ly hôn do đó Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của ông C và bà T theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Có 04 con chung tên Nguyễn Hoàng C, sinh ngày 24/11/1992; Nguyễn Hoàng C, sinh ngày 08/06/1996; Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 26/01/2001 và Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 12/07/2010.

Các con chung là Nguyễn Hoàng C, sinh ngày 24/11/1996, Nguyễn Hoàng C, sinh ngày 08/06/1996, Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 26/01/2001 đã đủ tuổi trưởng thành, đã tự lao động để nuôi sống bản thân nên Tòa án không xem xét.

Riêng cháu Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 12/07/2010 chưa trưởng thành. Quá trình giải quyết vụ án, ông C yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Thanh đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà T cấp dưỡng, tại Tòa bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ N và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con một lần là 100.000.000 đồng cho đến khi trẻ N thành niên.

+ Về nguyện vọng của con chung: Tòa án có tiến hành thu thập lời khai ghi nhận ý kiến, nguyện vọng của trẻ N theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Tại bản tự khai ngày 09/4/2020 của trẻ N có sự chứng kiến của ông C, trẻ N có nguyện vọng muốn được ở cùng ba.

+ Theo kết quả xác minh của Hội liên hiệp phụ nữ xã Phú Xuân cho thấy giữa ông C và bà T có 04 người con chung, đứa lớn đã có gia đình ở riêng, hai con kế đi làm và em nhỏ nhất khoảng 10 tuổi. Hiện ông C và bà T không ai nuôi dưỡng con út, chỉ có con thứ 2 và thứ 3 đi làm về nuôi em và bà nội.

+ Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của nguyên đơn là ông Nguyễn Hoàng C: Quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay, ông C khai hiện tại trẻ N đang ở chung với bà nội và hai người anh là C và K tại địa chỉ nhà số A ấp B, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh là ngôi nhà trước giờ vợ chồng ông bà chung sống, từ khi các con chào đời ông là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con cho đến lớn, bà T thường xuyên vắng nhà do đi bài bạc. Hiện nay, ông đang chạy xe ôm đủ thu nhập để nuôi sống trẻ N. Nay ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Ông không cung cấp được cho Tòa án bảng lương hay chứng cứ để chứng minh thu nhập bởi vì ông làm nghề chạy xe ôm, nhưng có đủ thu nhập hàng ngày để bảo đảm cho việc nuôi dưỡng con chung.

+ Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng của bị đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc T: Căn cứ vào lời trình bày của bà tại các buổi làm việc và tại phiên tòa hôm nay bà T có thừa nhận bà có cờ bạc nợ nần do ông C có người phụ nữ khác nên bà buồn bà mới thường xuyên vắng nhà, cờ bạc. Bà T không cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc có thu nhập thường xuyên để bảo đảm cuộc sống cho con chung nên việc giao trẻ N cho bà T nuôi dưỡng sẽ làm ảnh hưởng cuộc sống ổn định hiện nay và không đúng nguyện vọng của bé.

Từ những phân tích như trên, Hội đồng xét xử xét thấy để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, việc giao trẻ N cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của trẻ N và phù hợp với điều kiện sống hiện nay của trẻ nên Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ N cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà T cho đến khi có đơn yêu cầu của ông C

Do không chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi con của bà T nên không xem xét về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà T.

[3.3] Về tài sản chung: Ông C, bà T xác định không có.

[3.4] Về nợ chung: Ông C, bà T xác định không có.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Nguyễn Hoàng C nghĩa vụ phải nộp, được cấn trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0034633 ngày 02/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, ông C đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và Điều 39, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Hoàng C và bà Nguyễn Thị Ngọc T.

- Về con chung: Có 04 con chung tên Nguyễn Hoàng C, sinh ngày 24/11/1992 (đã thành niên), Nguyễn Hoàng C, sinh ngày 08/06/1996 (đã thành niên) Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 26/01/2001 (đã thành niên) và Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 12/07/2010.

Giao con chung chưa thành niên là trẻ Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 12/07/2010 cho ông Nguyễn Hoàng C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà Nguyễn Thị Ngọc T cho đến khi có đơn yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng C.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Ghi nhận ông C, bà T xác định không có.

- Về nợ chung: Ghi nhận ông C, bà T xác định không có.

2/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Nguyễn Hoàng C nghĩa vụ phải nộp, được cấn trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0034633 ngày 02/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Ông C đã nộp đủ án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND xã Phú Xuân, huyện nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Thùy Linh